

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN**

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOÁ K14KMT
MÔN : THỰC HÀNH CÁC VI SINH & HỢP CHẤT GÂY Ô NHIỄM TRONG
MÔI TRƯỜNG NƯỚC & VEN BỜ
MÃ MÔN : ELC - 420**

Số TC : 01

Học kỳ : 06

Lần thi : 01

Thời gian :

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				20%	0%	0%	0%	25%	0%	55%	0%				
1	132224742	TRẦN CHUNG	NGHĨA	K14KMT	0				0		0		0.0	Không	NỢ HP
2	142251472	PHẠM THỊ	BẾ	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
3	142251473	PHAN ANH	CHIẾN	K14KMT	9.5				9		10		9.7	Chín phẩy Bảy	
4	142251474	TRẦN ANH	CƯỜNG	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
5	142251475	CAO TÂN	ĐẠT	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
6	142251477	NGUYỄN VIỆT	ĐÔ	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
7	142251480	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
8	142251481	TRẦN THỊ DIỆU	HÀ	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
9	142251482	TRƯƠNG THỊ	HÀ	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
10	142251485	NGUYỄN TIẾN	HẢI	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
11	142251486	NGUYỄN CHÍ	HIẾU	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
12	142251494	ĐÀO THỊ NGỌC	HUÂN	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
13	142251496	NGÔ TRÍ	HÙNG	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
14	142251499	NGUYỄN THỊ LÊ	HUYỀN	K14KMT	10				9.5		10		9.9	Chín phẩy Chín	
15	142251500	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	K14KMT	10				9.5		10		9.9	Chín phẩy Chín	
16	142251502	PHẠM NGỌC	HUYỀN	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
17	142251503	TRẦN	KIÊN	K14KMT	9				9		10		9.6	Chín phẩy Sáu	
18	142251504	NGÔ THỊ	LIÊN	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
19	142251510	TRẦN MẠNH	LINH	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
20	142251514	TRẦN THỊ NGỌC	LY	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
21	142251515	NGUYỄN THỊ SAO	MAI	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
22	142251526	TRẦN VÕ	NGHĨA	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
23	142251527	DƯƠNG THỊ TRANG	NHÃ	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
24	142251528	TRẦN CÔNG	NHỚ	K14KMT	10				9.5		10		9.9	Chín phẩy Chín	
25	142251530	BÙI MINH	NHỰT	K14KMT	10				9.5		10		9.9	Chín phẩy Chín	
26	142251532	LÊ THỊ KIM	OANH	K14KMT	10				9.5		10		9.9	Chín phẩy Chín	
27	142251535	NGUYỄN THỊ HÒANG	PHÚC	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
28	142251538	LÊ THỊ THANH	PHƯƠNG	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
29	142251540	NGUYỄN HỨA	PHƯƠNG	K14KMT	10				9.5		10		9.9	Chín phẩy Chín	
30	142251544	HUỖNH CÔNG	RIN	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
31	142251545	VÕ THỊ THANH	SƯƠNG	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
32	142251554	LÊ QUANG TUẤN	THÀNH	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
33	142251561	LÊ THÂN	THƯƠNG	K14KMT	10				9.5		10		9.9	Chín phẩy Chín	
34	142251565	NGUYỄN THỊ	THÚY	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	

Thời gian :

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				20%	0%	0%	0%	25%	0%	55%	0%				
35	142251567	TRẦN THỊ THU	THỦY	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
36	142251570	HUỖNH THỊ BÍCH	TRÂM	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
37	142251572	TRƯỜNG THỊ	TRANG	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
38	142251573	ĐOÀN MẠNH	TRIỀU	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
39	142251576	NGUYỄN NGỌC	TRUNG	K14KMT	10				9.5		10		9.9	Chín phẩy Chín	
40	142251578	TRẦN THẾ	TÚ	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
41	142251583	BÙI THỊ BÍCH	VÂN	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
42	142251585	NGUYỄN NHẤT	VINH	K14KMT	10				9.5		10		9.9	Chín phẩy Chín	
43	142254652	TRẦN VĂN	DŨNG	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
44	142254654	NGUYỄN BẢO THANH	DUYÊN	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
45	142254657	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
46	142254658	LƯU THỊ VÂN	KIỀU	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
47	142254660	NGÔ THỊ QUẾ	MAI	K14KMT	10				9.5		10		9.9	Chín phẩy Chín	
48	142254663	PHAN THỊ CẨM	NHÂN	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
49	142254668	PHAN THỊ DIỆU	QUYÊN	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
50	142254670	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
51	142254673	VÕ THANH	VI	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
52	142254674	HẠ NGỌC	VÕ	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
53	142254676	NGUYỄN VŨ HỒNG	VY	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
54	142254868	PHẠM ĐỨC	ANH	K14KMT	10				9		10		9.8	Chín phẩy Tám	
55	142254869	NGUYỄN THỊ BÍCH	CHI	K14KMT	10				9.5		10		9.9	Chín phẩy Chín	
56	142254870	HUỖNH NGHĨA	HIỆP	K14KMT	10				9.5		10		9.9	Chín phẩy Chín	
57	142254871	ĐOÀN THỊ TUYẾT	SƯƠNG	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
58	142254915	NGUYỄN THỊ	HÀNG	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	
59	142332217	ĐỒNG THỊ NGỌC	SINH	K14KMT	10				9.5		10		9.9	Chín phẩy Chín	
60	142344700	TRẦN THỊ THẢO	LY	K14KMT	10				10		10		10.0	Mười	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	59	98%	
2	Số sinh viên nợ	1	2%	
TỔNG CỘNG :		60	100%	

Đà Nẵng, 12/01/2012

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(Ký và ghi rõ họ tên)

VÕ QUỐC TOÀN

TRẦN THỊ MỸ DIỆU

TRẦN NHẬT TÂN

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ